

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH: QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành tại Quyết định số:...../QĐ-ĐT ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng trường ĐH Nông lâm)

Ngành đào tạo: Quản lý tài nguyên và môi trường

Tên tiếng Anh: Resource and environment management

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

Mã số:

Thái Nguyên, 2022

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Ngành : Quản lý tài nguyên & Môi trường

Chuyên ngành: Quản lý tài nguyên thiên nhiên & Du lịch sinh thái

Trình độ đào tạo: Đại học

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

1. Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định hiện hành

3. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo: Theo quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT

Điều kiện tốt nghiệp:

Điều kiện chung: Theo quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT năm 2014 của Bộ GD&ĐT.

Điều kiện của chuyên ngành: ...

4. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

4.1. Mục tiêu đào tạo (Objectives)

Đào tạo cán bộ có trình độ đại học, có kiến thức và kỹ năng về Quản lý tài nguyên và môi trường, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, sức khỏe tốt, năng động sáng tạo, có khả năng hợp tác và quản lý nguồn lực; khả năng thích ứng với công việc đa dạng ở các cơ quan khoa học, quản lý sản xuất, doanh nghiệp hoặc tự tạo lập công việc sản xuất và dịch vụ, có kiến thức chuyên môn về Quản lý tài nguyên thiên nhiên và nhân văn, có khả năng tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái trên cơ sở khai thác các giá trị văn hóa, sinh thái phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

4.2. Chuẩn đầu ra (Program outcomes)

1- Áp dụng được các kiến thức về pháp luật, chính sách, khoa học công nghệ trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và nhân văn.

2- Vận dụng được những kiến thức về tài nguyên thiên nhiên, nhân văn để xây dựng kế hoạch, tổ chức, thực hiện các nội dung về quản lý tài nguyên và du lịch sinh thái.

3- Có khả năng tổ chức và điều hành các hoạt động du lịch. Thành thạo các kỹ năng về nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin trong hướng dẫn du lịch, tổ chức sự kiện, lễ tân, các dịch vụ trong lĩnh vực nhà hàng khách sạn.

4- Triển khai được các hoạt động chăm sóc khách hàng và các đối tác trong du lịch, dịch vụ, có khả năng đàm phán, thương thuyết phát triển thị trường, quảng bá sản phẩm.

5- Có kiến thức và kỹ năng phát triển các sản phẩm du lịch.

6- Giải quyết vấn đề một cách độc lập hoặc theo nhóm. Sử dụng thành thạo các công cụ truyền thông đa phương tiện

7- Sử dụng tiếng Anh đáp được chuẩn đầu ra theo quy định hiện hành

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 129 tín chỉ

NỘI DUNG	Số tín chỉ
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	45
1. Khối kiến thức bắt buộc	39
2. Khối kiến thức tự chọn	6
3. Giáo dục thể chất (không tính TC tích lũy)	3
4. Giáo dục quốc phòng (không tính TC tích lũy)	165 tiết
KHỐI KIẾN THỨC BỔ TRỢ (liên ngành)	12
1. Khối kiến thức bắt buộc	12
2. Khối kiến thức tự chọn	
KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP	72
Cơ sở ngành	26
1. Khối kiến thức bắt buộc	20
2. Khối kiến thức tự chọn	6
Chuyên ngành	31
1. Khối kiến thức bắt buộc	22
2. Khối kiến thức tự chọn	9
Thí nghiệm, thực tập, thực hành,	5
Khóa luận tốt nghiệp	10
Rèn nghề không tính vào số tín chỉ của chương trình.	5

(không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

7. 6. Nội dung chương trình

TT	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Số TC	Số tiết LT	Số tiết TH	Mã số học phần
A. Kiến thức giáo dục đại cương		Basic Science Knowledge	45	630		
I. Các học phần bắt buộc		Compulsory courses	39	540	90	
a) Lý luận chính trị		Political Theory	11	165		
1	Triết học Mác - Lênin	Marxist-Leninist philosophy	3	45	-	MLP131
2	Kinh tế chính trị	Marxist-Leninist political economy	2	30	-	MLE122
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	2	30	-	SCS123
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	2	30	-	HCM124
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Vietnamese Communist Party	2	30	-	HCP125
b) Ngoại ngữ, Tin học, Khoa học tự nhiên, xã hội		Foreign Language, IT, Natural and Social Sciences	28	375	90	
6	Hóa học	Chemistry	4	50	20	CHE141
7	Sinh học	Biology	3	40	10	GBI131
8	Xã hội học đại cương	General Sociology	2	30	0	GSO121
9	Vật lý	Physics	2	30	0	PHY121
10	Toán cao cấp	Mathematics	2	30	0	MAT121
11	Tiếng Anh 1	English 1	3	45	0	ENG131
12	Tiếng Anh 2	English 2	3	45	0	ENG132
13	Tiếng Anh 3	English 3	3	45	0	ENG133
14	Tin học đại cương	General Informatics	3	15	60	GIN131
15	Xác suất - Thống kê	Probability and Statistics	3	45	0	PST131
II. Các học phần tự chọn (tích lũy đủ 6 TC)		Elective Courses	6	90		
16	Địa lý kinh tế Việt Nam	Vietnam Economic Geography	3	45	0	VEG131
17	Nhà nước và pháp luật	State and Law	3	45	0	SLA131

18	Văn hóa Việt Nam	Vietnamese Culture	3	35	20	VCU131
19	Sinh thái môi trường	Environmental Ecology	3	45	0	EEC131
20	Khoa học quản lý	Management Science	3	45	0	MSC131
21	Vĩ sinh vật đại cương	General Microbiology	3	39	12	GMI131
22	Ô nhiễm Môi trường	Environmental Pollution	3	45	0	EPO131
23	Sinh học phân tử	Molecular Biology	3	45	0	MBI131
24	Phương pháp tiếp cận khoa học	Scientific Approach Methodology	3	45	0	SAM131
25	An toàn lao động	Works Safety	3	45	0	WSA131
26	Kỹ năng mềm	Soft Skills	3	30	30	SSK131
27	Tiếng Anh học thuật	Academic English	3	45	0	AEN134
III. Giáo dục thể chất*		Physical Education	3			
28	Tay không, điền kinh	Athletics	1	0	30	PED111+
29	Bóng chuyền	Volleyball	1			PED112+
30	Cầu lông	Badminton	1			PED113
31	Đá cầu	Shuttlecock Kicking	1			
32	Võ	Martial Art	1			
33	Bóng rổ	Basketball	1			
34	Bóng đá	Football	1			
IV. Giáo dục quốc phòng*		National Defense Education	165 tiết			
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		Professional Knowledge	84	804	840	
I. Kiến thức cơ sở ngành		Pre-major Knowledge	26	342	96	
a) Các học phần bắt buộc		Compulsory Courses	20	253	94	
35	Tài nguyên thiên nhiên Việt Nam	Vietnam Natural Resources	3	45	-	VNR231
36	Tổng quan du lịch	Tourism Overview	3	45	-	TOV231
37	Du lịch sinh thái	Ecotourism	3	39	12	ECO231
38	Cơ sở văn hóa các dân tộc	Fundamentals of Local Cultures	2	24	12	FOC231
39	Đa dạng sinh học	Biodiversity	3	39	12	BIO231
40	Địa lý du lịch	Tourism Geography	3	30	30	TGE231
41	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Scientific Research Approach	3	31	28	SRM331
b) Các học phần tự chọn (tích lũy đủ 15 TC)		Optional Subjects (the accomplishment of 15 credits is required)	6	90		

42	Quản lý Môi trường và Phát triển bền vững	Environmental Management and Sustainable Development	3	45	-	EMS331
43	Quản lý khu bảo tồn	Protected Areas Management	3	45		ERE231
44	Kinh tế tài nguyên	Resource Economics	3	45	-	REC231
45	Pháp luật Du lịch	Tourism Laws	3	45		TLA231
46	Xây dựng và quản lý dự án	Project Management and Establishment	3	30	30	PME331
47	Cơ sở khoa học môi trường	Fundamental of environmental Sciences	3	35	20	FES231
II. Kiến thức ngành		Specialized Knowledge	31	324	282	
a) Các học phần bắt buộc		Compulsory Courses	22	234	192	
48	Quản trị kinh doanh khách sạn	Hotel and Hospitality Business Management	3	30	30	HBM331
49	Quản trị kinh doanh lữ hành	Tour Business Management	3	45	-	TBM331
50	Nghề nghiệp hướng dẫn du lịch	Tour Guide Profession	3	39	12	TGP331
51	Tổ chức sự kiện	Event Organization	3	15	60	EOR331
52	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	English for Tourism	3	45	-	ENG331
53	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị khách sạn, nhà hàng	Computer-based Hotel and Hospitality Management System	3	30	30	CMS331
54	Văn hóa ẩm thực	Cuisine Culture	4	15	90	CUC331
b) Các học phần tự chọn (tích lũy đủ 25 TC)		Optional Subjects (the accomplishment of 25 credits is required)	9	90	90	
55	Kỹ thuật pha chế đồ uống	Cocktail Mixing Technique	3	15	60	CMT331
56	Kỹ năng thuyết trình	Presentation Skills	3	45	0	PSK331
57	Quản trị kinh doanh nhà hàng	Restaurant management	3	30	30	RMC331
58	Hệ thống thông tin địa lý	Geographical Information System	3	30	30	GIS231
59	Nông nghiệp hữu cơ	Organic Farming	3	45		OFA331
60	Phân tích và đánh giá chính sách trong quản lý tài nguyên thiên nhiên	Policy analysis in natural resource management	3	45		PAM331

61	Sinh thái rừng	Forest Ecology	3	45		FEC231
62	Vệ sinh an toàn thực phẩm	Food Safety and Hygiene	3	30		FSH421
III. Kiến thức bổ trợ		Supporting Knowledge	12	135	15	
63	Tâm lý, nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong du lịch	Psychology and Communication Art in Tourism	3	30		PAT421
64	Biến đổi khí hậu	Climate Change	3	35	20	CLC431
65	Thương mại điện tử	E-Commerce	3	30	15	ECO431
66	Khởi sự kinh doanh	Start up business	3	45	-	SUB431
67	Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh	Business Negotiation and Transaction	3	45	0	BNT431
68	Chiến lược Marketing	Marketing	3	45	-	MAR431
69	Đánh giá tác động môi trường	Environmental Impact Assessment	3	45		EIA431
70	Thương hiệu và thị trường sản phẩm	Product Market and Trademark	3	45		PMT431
71	Công nghệ sản xuất rau, hoa	Technology for the production of vegetables and flowers	3			TPV431
72	Quản lý xung đột trong bảo tồn	Conflict management in conservation	3			CMC431
73	Quản lý chất thải nguy hại	Hazardous waste management	3			HWM431
IV. Kiến tập và Thực tập nghề nghiệp		Internship and Work Experience	5		150	
74	TTNN 1: Định hướng nghề nghiệp trong quản lý tài nguyên & du lịch sinh thái	Internship 1: Career orientation in resource management & ecological tourism	1		30	COR511
75	TTNN 2: Xây dựng sản phẩm du lịch sinh thái	Internship 2: Building ecological tourism products	1		30	BET512
76	TTNN 3: Thực tập nghiệp vụ du lịch sinh thái	Internship 3: Ecotourism Professional Practice	3		90	EPP533
V. Rèn nghề (chọn 1 trong 4)		Professional Practices	5		150	
77	Rèn nghề 1: Thực tập nghiệp vụ khách sạn, nhà hàng, Resort	Practice 1: Hotel and Hospitality Practice	5		75	HAP651

78	Rèn nghề 2: Thực tập nghiệp vụ tại khu Du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái	Practice 3: Community Tourism Professional Practice	5		75	CTP653
VI.	Thực tập tốt nghiệp	Animal Science Thesis	10		300	AST7101
Tổng cộng		Total	129			

8. Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ 1:

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1.	PED111+	Tay không, điền kinh	1	
2.	MLP131	Triết học Mác -Lênin	3	
3.	GBI131	Sinh học	3	
4.	VEG131	Địa lý kinh tế Việt Nam	3	
5.	ENG131	Tiếng Anh 1	3	
6.	MAT121	Toán Cao cấp	2	
7.	GSO121	Xã hội học đại cương	2	
8.	COR511	TTNN 1: Định hướng nghề nghiệp trong quản lý tài nguyên & du lịch sinh thái	1	
Tổng			18	

Học kỳ 2:

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1.	PED112+	Bóng chuyền	1	
2.	SLA131	Nhà nước và pháp luật	3	
3.	GIN131	Tin học đại cương	3	
4.	ENG132	Tiếng Anh 2	3	
5.	CHE141	Hóa học	4	
6.	CUC331	Văn hóa ẩm thực	4	
Tổng			18	

Học kỳ 3:

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1.	ENG133	Tiếng anh 3	3	
2.	PED113	Cầu lông	1	
3.	PST131	Xác suất- Thống kê	3	
4.	PSK331	Kỹ năng thuyết trình	3	
5.	BIO231	Đa dạng sinh học	3	
6.	VNR231	Tài nguyên thiên nhiên Việt Nam	3	
7.	PHY121	Vật lý	2	
Tổng			18	

Học kỳ 4:

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
----	-------	--------------	-------	---------

1.	TOV231	Tổng quan du lịch	3	
2	MLE122	Kinh tế chính trị	2	
3.	ERE231	Quản lý khu bảo tồn	3	
4.	ECO431	Khởi sự kinh doanh	3	
5.	FOC231	Cơ sở văn hóa các dân tộc	2	
6.	HBM331	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	
7.	BET512	TTNN 2: Xây dựng sản phẩm du lịch sinh thái	1	
Tổng			18	

Học kỳ 5:

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	SCS123	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
2.	SRM331	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	
3.	EMS331	Quản lý môi trường và PTBV	3	
4.	ENG331	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	3	
5.	TGE231	Địa lý du lịch	3	
6.	TGP331	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	
7.	HCM124	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
Tổng			19	

Học kỳ 6:

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1.	PAT421	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong du lịch	3	
2	RMC331	Quản trị kinh doanh nhà hàng	3	
3	CMS331	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị khách sạn, nhà hàng	3	
4	HCP125	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
5	TBM331	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	
6	HAP651	Rèn nghề (1-2-3-4) Rèn nghề 1: Thực tập nghiệp vụ khách sạn, nhà hàng, Resort	5	
Tổng			19	

Học kỳ 7:

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	EOR331	Tổ chức sự kiện	3	
2	ECO431	Thương mại điện tử	3	
3	CLC431	Biến đổi khí hậu	3	
4	ECO231	Du lịch sinh thái	3	
5	CMT331	Kỹ thuật pha chế đồ uống	3	
6	EPP533	TTNN3: Thực tập nghiệp vụ du lịch sinh thái	3	

Tổng		18	
Học kỳ 8			
TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC
1.	AST7101	Thực tập tốt nghiệp	10
Tổng		10	

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- a. Chương trình đào tạo được triển khai theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT và của trường Đại học Nông lâm

Giờ quy định tính như sau:

1 tín chỉ = 15 tiết giảng dạy lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp
= 30 giờ thí nghiệm hoặc thực hành
= 45 giờ tự học
= 45 ÷ 90 giờ thực tập tại cơ sở.
= 45 ÷ 60 giờ thực hiện đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Số giờ của môn học là bội số của 15.

- b. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ: Theo quy định của trường Đại học Nông lâm. Trong thời gian học tập, Nhà trường có thể sẽ kiểm soát sự phát triển trình độ ngoại ngữ của sinh viên qua từng năm học để quyết định số tín chỉ các môn học trong học kỳ mà SV được phép đăng ký. SV có thể tự học hoặc đăng ký theo học chương trình phát triển năng lực ngoại ngữ theo đề án của Nhà trường.

10. Ngày và cấp phê duyệt lần đầu

.....

11. Tiến trình cập nhật CTĐT

Lần 1: Tóm tắt nội dung cập nhật CTĐT lần 1: ngày tháng năm	<người cập nhật ký và ghi rõ họ tên) Trưởng Khoa:
Lần 2: Tóm tắt nội dung cập nhật CTĐT lần 2: ngày tháng năm	<người cập nhật ký và ghi rõ họ tên) Trưởng Khoa:

HIỆU TRƯỞNG